**MA TRẬNĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ HỌC KỲ I**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD VÀ ĐT ………..**  **TRƯỜNG THPT**  **…………** | **MA TRẬNĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ HỌC KỲ I**  **MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10**  **THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***( %)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phú)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phú)*** | ***Số***  ***câu hỏi*** | ***Thời gian (phú)*** |
| **1** | Đọc hiểu | 20 | 10 | 20 | 10 | 10 | 10 | 0 | 0 | 08 | 30 | 50 |
| **2** | Làm văn | 15 | 5 | 15 | 5 | 10 | 20 | 10 | 30 | 01 | 60 | 50 |
| **Tổng** | | **35** | **15** | **35** | **15** | **20** | **30** | **10** | **30** | **09** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **35** | | **35** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

***Lưu ý:***

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.

- Cách tính điểm của mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án và hướng dẫn chấm*.

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| | **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  | | **1** | **ĐỌC HIỂU** | - Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích **Truyện** (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.  - Xác định được cốt truyện; các sự việc, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong văn bản/đoạn trích.  - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích.  - Nhận diện đặc điểm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố tham gia giao tiếp thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/đoạn trích: chủ đề, tư tưởng, ý nghĩa của hình tượng nhân vật, ý nghĩa của sự việc chi tiết tiêu biểu…  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/ đoạn trích: nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, chi tiết hoang đường kì ảo…  - Hiểu được một số đặc trưng của tự sự thể hiện trong văn bản/ đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức… trong văn bản/ đoạn trích.  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản /đoạn trích. | 4 | 3 | 1 | 0 | 8 | | - Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích **Thơ** (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ, nhân vật trữ tình của văn bản/đoạn trích  - Xác định được đề tài; chủ đề, chi tiết, hình ảnh nghệ thuật đặc sắc…. của văn bản/ đoạn trích.  - Chỉ ra được thông tin trong văn bản/ đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của văn bản/ đoạn trích.  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích: hình ảnh, ngôn ngữ, biện pháp tư từ,...  - Hiểu được một số đặc trưng của thơ mới Việt Nam/ thơ Đường luật/thơ hai-cư thể hiện trong văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng:**  - Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của văn bản/đoạn trích.  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản/đoạn trích. | | -Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích **Văn nghị luận** (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, biện pháp tu từ,... trong văn bản/đoạn trích.  - Chỉ ra thông tin trong văn bản/đoạn trích.   * Xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả. * Nêu được các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, … trong văn nghị luận   **Thông hiểu:**   * Nêu được nội dung bao quát, ý nghĩa của văn bản * Trình bày được mục đích, quan điểm của người viết * Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản. * Phân tích được vai trò của các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, … trong văn bản nghị luận.   **Vận dụng**:   * Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. * Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. * Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. | |  |  | - Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích **Sử thi** (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**   * Nhận biết được không gian, thời gian trong sử thi * Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong sử thi * Nhận biết được người kể chuyện; điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,... trong sử thi. * Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu * Nhận biết được bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong sử thi.   **Thông hiểu:**   * Hiểu và phân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm. * Hiểu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. * Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lựa chọn điểm điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,... trong sử thi. * Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của, sử thi.   **Vận dụng**:  Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của bản thân.  Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí  giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  – Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. |  |  |  |  |  | |  |  | - Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích C**hèo, tuồng** (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  Nhận biết được một số yếu tố của văn bảnchèo/ tuồng như: đề tài, tính vô danh, tích truyện, nhân vật, lời thoại, phương thức lưu truyền  **Thông hiểu:**  – Hiểu và phân tích được một số yếu tố của văn bản chèo hoặc tuồng  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu được các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  – Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  – Nhận xét được ý nghĩa, tác động của tác phẩm chèo hoặc tuồng đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ, tình cảm của người đọc  **–** Đánh giá được ý nghĩa, tác động của thông điệp rút ra từ văn bản chèo hoặc tuồng |  |  |  |  |  | | **2** | **LÀM VĂN** | - **Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/ đoạn trích truyện (Chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật)** *(Ngoài sách giáo khoa)* | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận.  - Nêu được thể loại, cốt truyện, đề tài, nhân vật, các chi tiết, sự việc của văn bản  **Thông hiểu:**  - Trình bày được chủ đề và nghệ thuật của tác phẩm/đoạn trích theo yêu cầu đề bài  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản, kiến thức về truyện, để viết bài văn nghị luận hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề bài.  - Đánh giá, nhận xét giá trị của văn bản/đoạn trích.  **Vận dụng cao:**  - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận;  - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.  - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong văn bản đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. |  |  |  |  | 1\* | | **Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/ đoạn thơ**  *(Ngoài sách giáo khoa)* | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề cần nghị luận  - Nêu được thông tin về tác giả, tác phẩm (bài hoặc đoạn thơ).  - Nêu nội dung, chủ đề, cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của đoạn/ bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải được những giá trị về nội dung, nghệ thuật của đoạn/ bài thơ theo yêu cầu đề bài  - Lí giải được một số đặc điểm thể loại được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ.  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.  - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả.  - Vận dụng các kĩ năng tạo lập văn bản; kiến thức đã học về thơ để viết bài văn nghị luận đáp ứng yêu cầu của đề bài.  **Vận dụng cao:**  - Liên hệ, so sánh với các tác phẩm khác để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận; vận dụng kiến thức lí luận văn học để có những phát hiện sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.  - Diễn đạt sáng tạo, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.  - Đánh giá được vai trò, ý nghĩa của thông điệp trong bài thơ đối với cuộc sống, xã hội hiện tại. | | **Viết báo cáo nghiên cứu** | **Nhận biết:**  **-** Nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu đặt ra trong báo cáo  **-** Nhận biết được các phương tiện hỗ trợ  **-** Nhận biết được bố cục bài viết  **Thông hiểu:**  **-** Khai thác được các nguồn tham khảo chính xác; biết cách sử dụng phương tiện hỗ trợ (số liệu, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ) hợp lí  Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực  - Trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo đúng quy cách  **Vận dụng**:  - Khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy  - Thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có **Vận dụng cao**:  Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, có sử dụng trích dẫn, cước chú và các phương tiện hỗ trợ | |  |  | **Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm** | **Nhận biết:**  **-** Xác định được cấu trúc bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm  **-** Nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ  Chỉ ra được các biểu hiện hoặc khía cạnh của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ  **Thông hiểu:**  **-** Phân tích tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ đối với cá nhân và cộng  đồng  **Vận dụng:**  **-** Nêu được những giải pháp mà người được thuyết phục có thể thực hiện để từ bỏ một thói  quen hay quan niệm không phù hợp  **Vận dụng cao:**  **-** Viết được bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm  **-** Đánh giá được ý nghĩa của việc thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm |  |  |  |  |  | | **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **9** | | **Tỉ lệ %** | | |  | **35** | **35** | **20** | **10** |  | | **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | |  | |  |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ HỌC KỲ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 10. Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống**

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bế trên tay.*

*Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gẫy nát. Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bấc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bế, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình ấp ủ cho nó.*

(Trích *Nhà mẹ Lê -* Thạch Lam, Nhà xuất bản Đời nay, 1937)

**Thực hiện những yêu cầu:**

**Câu 1**. Xác định nhân vật chính trong đoạn trích.

**Câu 2**. Trong đoạn trích, ngoại hình nhân vật bác Lê được tác giả miêu tả như thế nào?

**Câu 3.** Theo tác giả, vì sao bác Lê lo sợ không ai mướn bác làm việc?

**Câu 4.** Nhân vật bác Lê trong đoạn trích có cảm giác sung sướng vì điều gì?

**Câu 5.** Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau: *“Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc”*

**Câu 6**. Anh/ Chị hiểu như thế nào về chi tiết:*“Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình ấp ủ cho nó.”*

**Câu 7.** Hãy nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 8.** Tình cảnh nhà bác Lê trong đoạn trích gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về những mảnh đời nghèo khổ, bất hạnh ở cuộc sống ngoài đời thực?

**II. PHẦN VIẾT (5.0 điểm)**

Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá bài thơ sau:

**NGÕ XƯA** - Nguyễn Văn Song

*Ta về ngõ của ta xưa*

*Tìm tre cong ngọn nắng mưa xạc xào*

*Óng vàng quả duối bờ ao*

*Rặng xoan rộn tiếng chào mào tìm nhau*

*Bạn bè cắt cỏ chăn trâu*

*Chia nhau một củ khoai màu than rơm*

*Nắm ngô rang hạt vàng ươm*

*Có gì nhắn nhủ mà thơm đến giờ?*

*Bà Năm tóc trắng phạc phờ*

*Con đi chinh chiến, còn chờ nữa không?*

*Chị Tâm sao chẳng lấy chồng*

*Đợi gì cây bưởi trổ bông trắng vườn?*

*Về tìm một buổi tinh sương*

*Ngõ nhà níu gót rơm vương bộn bề*

*Cha ra đồng sớm không về*

*Rạ rơm cay khói ngõ quê mịt mùng*

*Đã đi trăm nẻo nghìn trùng*

*Ngõ nhà về lại ngập ngừng bước chân*

*Tường ngăn lối xóm cao dần*

*Còn nghe tiếng vọng bần thần ngõ xưa.*

(Báo “***Văn nghệ quân đội***”, ngày 02/ 10/ 2019)

*-----Hết-----*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **KIỂM TRA CUỐI KỲ HỌC KỲ I** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **Đọc hiểu** | | | **5.0** |
| **1** | | Câu 1. Nhân vật chính trong đoạn trích: Bác Lê  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm.*  *+ Câu trả lời khác hoặc không trả lời : 0 điểm.* | **0.5** |
| **2** | | **Câu 2**. Trong đoạn trích, ngoại hình nhân vật bác Lê được tác giả miêu tả: *một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô*  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời như đáp án hoặc nêu được người đàn bà nhà quê chắc chắn, thấp bé, da mặt và chân tay răn reo: 0.5 điểm.*  *+ Học sinh trả lời được nửa ý: 0.25 điểm*  *+ Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0 điểm* | **0.5** |
| **3** | | **Câu 3:** Bác Lê lo sợ không ai mướn bác làm việc vì*: “cả nhà sẽ phải nhịn đói”*  *+ Học sinh trả lời như đáp án hoặc nêu được cả nhà bị đói; sẽ bị đói; con khóc lả đi vì không có cái ăn: 0.5 điểm.*  *+ Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0 điểm* | **0.5** |
| **4** | | **Câu 4:** Nhân vật bác Lê trong đoạn trích có cảm giác sung sướng vì:  *Những ngày có người mướn tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà.*  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời như đáp án hoặc trả lời vì được người ta mướn/ thuê mình làm việc; được người ta trả công để về nuôi con: 0.5 điểm.*  *+ Học sinh trả lời được nửa ý: 0.25 điểm*  *+ Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0 điểm* | **0.5** |
| **5** | | **Câu 5. X**ác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau: *“Mùa rét thì giải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc.”*  - Biện pháp tu từ: So sánh: “trông như một cái ổ chó”  - Tác dụng: Tăng sức gợi hình, biểu cảm; nhằm miêu tả rõ tình cảnh nghèo khổ, đáng thương của nhà mẹ Lê  ***Hướng dẫn chấm****:*  *Học sinh trả lời như đáp án (chấp nhận những cách diễn đạt khác nhưng đảm bảo đúng ý): 0.75 điểm.*  + *Trả lời được biện pháp tu từ so sánh: 0,25 điểm.*  *+ Trả lời được tác dụng: 0,5 điểm (Trong đó, mỗi ý được 0,25 điểm).*  *+Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm* | **0.75** |
| **6** | | **Câu 6**.  - Trong cảnh đói nghèo, bác Lê ôm lấy những đứa con để mong ủ ấm, che chở cho con.  - Thể hiện tình yêu thương con của người mẹ nghèo khổ  - Tình cảnh thật đáng thương, tội nghiệp  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời như đáp án: 0.75 điểm.*  *+ Học sinh trả lời được 2 ý: 0,5 điểm*  *+ Học sinh trả lời được 1 ý: 0,25 điểm*  *+ Câu trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm.*  ( Chấp nhận diễn đạt tương đồng.) | **0.75** |
| **7** | | **Câu 7.** Gia cảnh đói khổ và nghèo túng của nhà bác Lê  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời đúng: 0.5 điểm.*  *+ Trả lời sai hoặc không trả lời:0 điểm*  ( Chấp nhận diễn đạt tương đồng.) | **0.5** |
| **8** | | **Câu 8.** ***Học sinh có suy nghĩ riêng, không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.***  Gợi ý:  - Ngoài đời thực vẫn còn những con người có hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh.  - Cuộc sống hiện nay dù vẫn còn mảnh đời bất hạnh nhưng không đến mức như nhà mẹ Lê. Vì xung quanh vẫn còn những nhà hảo tâm, tấm lòng thiện nguyện.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *+ Học sinh trả lời như đáp án: 0.75 điểm.*  *+ Câu trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm.*  ( Chấp nhận diễn đạt tương đồng.) | **1.0** |
| **II** | **PHẦN VIẾT** | | | **5.0** |
| Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá bài thơ ***Ngõ xưa –*** Nguyễn Văn Song. | | | |
| **a** | *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một đoạn thơ* | | **0.5** |
| **b** | Xác địnhđúng kiểu bài, vấn đề nghị luận  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng: không cho điểm* | | **0.5** |
| **c** | *Triển khai vấn đề*  Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, đánh giá nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ ***Ngõ xưa***. | | **3.0** |
| Giới thiệu khái quát về đoạn thơ  *+**Học sinh giới thiệu được khái quát tên tác giả, tên tác phẩm, đoạn thơ cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *+ Học sinh không giới thiệu được: 0 điểm* | | **0.5** |
| - Phân tích nội dung đoạn thơ với những dẫn chứng phù hợp từ văn bản:  *+ Niềm hoài niệm của tác giả về những kỉ niệm trong kí ức tuổi thơ, những người bạn thuở chăn trâu cắt cỏ, những người hàng xóm xưa, hình ảnh người cha nơi ruộng đồng rơm rạ…*  *+ Giấy phút bần thần tiếc nuối khi nhận ra ngõ xưa giờ được thay bằng tường vôi san sát.*  - Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật: *thể thơ, giọng điệu, cách ngắt nhịp, từ ngữ hình ảnh ….* với những dẫn chứng chứng phù hợp lấy từ văn bản.  ***Hướng dẫn chấm:***  *+ Học sinh phân tích, đánh giá đầy đủ, sâu sắc: 2.0 điểm.*  *+ Học sinh phân tích, đánh giá chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,0 điểm – 1,75 điểm.*  *+ Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện, chưa đánh giá: 0,5 điểm - 0,75 điểm.*  *+ Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện, chưa đánh giá: 0,25 điểm.*  *+ Học sinh không trình bày được: 0 điểm* | | **2.0** |
| *-* Khẳng định giá trị của đoạn thơ; Nêu ý nghĩa đối với bản thân và người đọc.  ***Hướng dẫn chấm:***  *+**Học sinh trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *+Học sinh trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.*  *+ Học sinh không trình bày được: 0 điểm* | | **0.5** |
| **d** | *Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *+Học sinh không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp: 0.5*  *+ Học sinh mắc một vài lỗi chính tả, ngữ pháp: 0.25*  *+ Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | | **0.5** |
| **e** | *Sáng tạo*  - So sánh với văn bản thơ trữ tình khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề cần nghị luận.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục.  ***Hướng dẫn chấm:***  - *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  - *Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.*  *- Không đáp ứng được yêu cầu: 0 điểm* | | **0.5** |
| ***Tổng điểm*** | | | | **10.00** |